

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/4/2022

V/v: "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hồng Thanh;

2. Ông Nguyễn Lâm Giang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021. Về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T1, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim Anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trung K, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, tỉnh Bắc Giang kết hôn ngày 26/9/2019. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng gia đình anh K ngay tại xã T, huyện T1, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chị có hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2021, vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên xảy ra cãi nhau, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy đến tháng 6 năm

2021, chị và anh Kiên đã sống ly thân cho đến nay, thời gian sống ly thân hai bên cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Trung K.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Hoàng Trung K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị Anh trình bày là đúng. Anh và chị Nguyễn Thị Kim A có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã T, huyện T1, tỉnh Bắc Giang năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng anh có hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị Kim A xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân đạt không được, anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim A.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh K có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Hoàng Trung K.

Về con chung: Chị A và anh K chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị A và anh K đều nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000đ, nhưng trừ vào 300.000đ chị A đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Trung K có nơi cư trú tại huyện T1, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Trung K, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.3]. Về sự vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Trung K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh Kiên có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22 tháng 3 năm 2022. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Hoàng Trung K kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T1, tỉnh Bắc Giang ngày 26/9/2019, do vậy đây hôn nhân hợp pháp. Chị A và anh K đều thừa nhận cuộc vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân năm 2021 cho đến nay. Do vậy đây là sự thật, là những tình tiết, sự kiện không không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS; Tại biên bản làm việc: Địa phương cũng xác định tình trạng hôn nhân của chị A và anh K có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa chị A và anh K đã có mâu thuẫn xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Hoàng Trung K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Hoàng Trung K chưa có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung*: Cả chị Nguyễn Thị Kim A và anh Hoàng Trung K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với anh Hoàng Trung K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Hoàng Trung K chưa có con chung, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị A và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị A đã nộp tại biên lai thu số: 0011435 ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Bắc Giang. Chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang